

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 12 – 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Mỹ C, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh AG.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phùng Thị Mỹ C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Mỹ C và anh Nguyễn Đức T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2004. Hôn nhân giữa chị C và anh T được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu nhau. Chị C và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị C và anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu, tham gia đánh bạc (đá gà, tài xỉu), không lo cho gia đình, chị C đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi. Chị C xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vợ

chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay, chị Phùng Thị Mỹ C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 02/8/2005 và Nguyễn Thị M Y, sinh ngày 23/9/2009. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất, anh T và chị C xác lập quan hệ hôn nhân năm 2004, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự thống nhất trong cách sống sinh hoạt hàng ngày, mỗi lần anh T đi nhậu về chị C hay cần năn. Ngoài ra, anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng cũng phát sinh do anh thường xuyên tham gia đánh bạc (đá gà, lắc tài xỉu). Tuy nhiên, anh T xác định hiện nay anh vẫn còn thương vợ con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, để vợ chồng cùng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung được tốt hơn.

Anh Nguyễn Đức T không đồng ý ly hôn với chị Phùng Thị Mỹ C.

Về con chung: Anh T thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 02/8/2005 và Nguyễn Thị M Y, sinh ngày 23/9/2009 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Văn bản trình bày ý kiến của Nguyễn Thị Mỹ H ngày 07/7/2020 (Bản chính, đánh máy gồm 01 trang A4, do Nguyễn Thị Mỹ H ký tên).
- Văn bản trình bày ý kiến của Nguyễn Thị M Y ngày 07/7/2020 (Bản chính, đánh máy gồm 01 trang A4, do Nguyễn Thị M Y ký tên).
- Trích lục khai sinh Nguyễn Thị Mỹ H (Bản sao).
- Trích lục khai sinh Nguyễn Thị M Y (Bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Mỹ C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đức T cư trú tại ấp T, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đức T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Mỹ C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Xét thấy, chị C và anh T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Mặt khác, trong quá trình chung sống chị C và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh T thường xuyên nhậu, tham gia đánh bạc (đá gà, tài xỉu), không lo cho gia đình, chị C đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị C và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị C yêu cầu nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 02/8/2005 và Nguyễn Thị M Y, sinh ngày 23/9/2009, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Mỹ Huyền và Mỹ Ý. Ngoài ra, tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 07/7/2020 thể hiện, Mỹ Huyền và Mỹ Ý có nguyện vọng sống chung với chị C. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thống nhất để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, để tránh thay đổi môi trường sống và đảm bảo cho con chung có sự phát triển cả về vật chất và tinh thần. Cho nên, giao con chung là Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Thị M Y cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Mỹ C.

- *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị Mỹ C và anh Nguyễn Đức T.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 02/8/2005 và Nguyễn Thị M Y, sinh ngày 23/9/2009 cho chị Phùng Thị Mỹ C nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị C và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Phùng Thị Mỹ C phải án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số BI/2019/0002190 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị C đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên